

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 555/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06- 9 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Dương Văn Lũy
- Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 357/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 407/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 251/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994 nơi cư trú: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (yêu cầu vắng mặt).

- Bị đơn: anh Phan Hoài T, sinh năm 1995 nơi cư trú: khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Vào năm 2014, chị và anh T có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (Giấy chứng nhận kết hôn số 110 ngày 14/10/2015). Nguyên nhân mâu thuẫn: anh T không có trách nhiệm với vợ con và có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do không tìm được tiếng nói chung, chính thức ly thân từ tháng 10/2023 đến nay. Do tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn. Về con chung: có 03 con chung tên Phan Thị Thảo M, sinh ngày 21/8/2014, Phan Thị Tường V, sinh ngày 01/3/2016 và Phan Gia B, sinh ngày 13/10/2019, sau khi ly thân con tên V do anh T nuôi dưỡng, con tên M và B do chị N đang nuôi dưỡng, yêu cầu mỗi bên tiếp tục nuôi

con không phải cấp dưỡng cho nhau. Tài sản chung, nợ chung không có.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành xác minh được **Lý Thu T1** (chị của chị **N**) cho biết: Vợ chồng **N** – **T** không còn chung sống, ly thân khoảng hơn 01 năm nay, mỗi khi **N** bị chồng đánh thì về quê, nguyên nhân là do **T** không chịu làm ăn, nghiện game, không đi làm để có tiền nuôi con, **N** khuyên bảo thì bị đánh. Sau khi vợ chồng không còn chung sống thì 03 con chung đang sống với anh **T**. Khoảng 01 tháng nay, **N** đang nuôi con chung tên **Phan Thị Thảo M**, sinh ngày 21/8/2014 và **Phan Gia B**, sinh ngày 15/10/2019. **T** thì nuôi con tên **Phan Thị Tường V**, sinh ngày 01/3/2016.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **N** được ly hôn với anh **T**. Về con chung: giao con chung tên **Phan Thị Thảo M**, sinh ngày 21/8/2014 và **Phan Gia B**, sinh ngày 13/10/2019 cho chị **N** tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung tên **Phan Thị Tường V**, sinh ngày 01/3/2016 cho anh **T** tiếp tục nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng cho nhau trong việc nuôi con. Chia tài sản và nợ chung không có; về án phí, chị **N** phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại **thị trấn C, huyện P** nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố Tụng Dân sự.

[1.2] Chị **N** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh **T** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị **N**, anh **T**.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Chị **N** anh **T** có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp nhưng anh chị thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, anh **T** không có trách nhiệm với vợ con và có hành vi bạo lực gia đình, không còn sống

chung từ tháng năm 2023 đến nay. Tòa án đã triệu tập anh **T** để tham gia hòa giải, xét xử nhưng anh không đến, chị **N** cương quyết ly hôn, do đó chấp nhận cho chị **N** được ly hôn với anh **T** là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

Vợ chồng chị **N**, anh **T** có 03 con chung tên **Phan Thị Thảo M**, sinh ngày 21/8/2014, **Phan Thị Tường V**, sinh ngày 01/3/2016 và **Phan Gia B**, sinh ngày 13/10/2019, hiện nay **V** do anh **T** nuôi dưỡng, **M** và **B** do chị **N** đang nuôi dưỡng. Để đảm bảo môi trường phát triển của con được ổn định, thuận lợi trong việc học tập, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao con chung tên **M**, **B** cho chị **N** chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con chung tên **V** cho anh **T** nuôi dưỡng, không phải cấp dưỡng cho nhau trong việc nuôi con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Không có.

[2.4] Về nợ chung: Ghi nhận chị **N** xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **N** phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh **T** không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị N**.

1. Về hôn nhân: chị **Nguyễn Thị N** được ly hôn với anh **Phan Hoài T**.

2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên **Phan Thị Thảo M**, sinh ngày 21/8/2014 và **Phan Gia B**, sinh ngày 13/10/2019 do chị **N** đang nuôi dưỡng; **Phan Thị Tường V**, sinh ngày 01/3/2016 do anh **T** đang nuôi dưỡng.

Giao chị **N** trực tiếp nuôi dạy 02 con chung tên **Phan Thị Thảo M**, sinh ngày 21/8/2014 và **Phan Gia B**, sinh ngày 13/10/2019 đến khi thành niên và tự lập được.

Giao anh **T** trực tiếp nuôi dạy con chung tên **Phan Thị Tường V**, sinh ngày 01/3/2016 đến khi thành niên và tự lập được. Các bên không phải cấp dưỡng cho nhau trong việc nuôi con chung.

Chị **N**, anh **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị **N** xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị **Nguyễn Thị N** phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006973 ngày 31/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh **Phan Hoài T** không phải chịu án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.